

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S..... Ngày:.....01/12.....

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền
cấp quyền khai thác khoáng sản**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Khoản 3 Điều 77 Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội khóa XII về:

1. Phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước thực hiện công tác tính, thu, quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trữ lượng địa chất là một phần hoặc toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong khu vực đã thăm dò được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q) là trữ lượng địa chất nằm trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.

3. Trữ lượng khai thác là trữ lượng địa chất nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác; trong đó, đã loại bỏ một phần trữ lượng do áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên hoặc hầm lò nhằm đảm bảo khả thi trong quá trình khai thác.

4. Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K_1) là tỷ lệ giữa trữ lượng địa chất đã được loại bỏ một phần do thiết kế phương pháp khai thác và trữ lượng địa chất trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.

5. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) được quy định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giá trị quặng nguyên khai của khu vực khoáng sản được phép khai thác. Giá trị này được xác định trên cơ sở các yếu tố trữ lượng địa chất, giá tính thuế tài nguyên và các hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác, điều kiện kinh tế - xã hội.

Chương II

MỨC THU, PHƯƠNG PHÁP TÍNH, PHƯƠNG THỨC THU, NỘP, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 4. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R)

Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) được quy định theo nhóm, loại khoáng sản có giá trị từ 1% đến 5%, được thể hiện tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức sau:

$$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$$

Trong đó:

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định cụ thể tại Điều 6 Nghị định này; đơn vị tính là m^3 , tấn;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định này; đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng;

K_1 - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác, được quy định: Khai thác lộ thiên $K_1 = 0,9$; khai thác hầm lò $K_1 = 0,6$; khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên và các trường hợp còn lại $K_1 = 1,0$;

K_2 - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn áp dụng theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định: Khu vực khai thác khoáng sản thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, $K_2=0,90$; khu vực khai thác khoáng sản thuộc vùng kinh tế - xã hội khó khăn, $K_2=0,95$; các khu vực khai thác khoáng sản thuộc vùng còn lại, $K_2=1,00$;

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là phần trăm (%).

Điều 6. Trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo các trường hợp sau đây:

1. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Luật khoáng sản 2010 có hiệu lực, trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là trữ lượng còn lại tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Cụ thể được xác định như sau:

a) Trường hợp trữ lượng ghi trong giấy phép khai thác là trữ lượng địa chất: Lấy trữ lượng trong giấy phép trừ (-) đi trữ lượng khai thác đã được tính quy đổi thành trữ lượng địa chất. Quy đổi trữ lượng đã khai thác ra trữ lượng địa chất được thực hiện bằng cách lấy trữ lượng đã khai thác chia (:) cho hệ số thu hồi khoáng sản liên quan phương pháp khai thác;

b) Trường hợp trong giấy phép khai thác không ghi trữ lượng địa chất và chỉ ghi trữ lượng khai thác: Lấy trữ lượng trong giấy phép trừ (-) đi trữ lượng đã khai thác và chia (:) cho hệ số thu hồi khoáng sản liên quan phương pháp khai thác;

c) Trường hợp trong giấy phép khai thác ghi tài nguyên được phép khai thác, công suất khai thác năm và thời hạn khai thác hoặc chỉ ghi công suất khai thác năm và thời hạn khai thác: Lấy công suất khai thác năm nhân (x) với thời hạn còn lại của giấy phép và chia (:) cho hệ số thu hồi khoáng sản liên quan phương pháp khai thác;

d) Trường hợp trong giấy phép khai thác ghi khối lượng sản phẩm hàng hóa (ví dụ số lượng viên gạch, ngói hoặc các trường hợp khác) và thời gian thực hiện: Lấy mức tiêu hao nguyên liệu/đơn vị sản phẩm trong dự án đầu tư nhân (x) với khối lượng hàng hóa sản xuất trong năm, nhân (x) với thời hạn khai thác còn lại của giấy phép và chia (:) cho hệ số thu hồi khoáng sản liên quan phương pháp khai thác;

đ) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản là nước khoáng và nước nóng thiên nhiên: Lấy lưu lượng nước m^3 /ngày-đêm theo cấp phép nhân (x) với thời hạn khai thác còn lại của Giấy phép;

e) Cơ sở tính toán trữ lượng đã khai thác cho các trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản này được thống kê theo báo cáo nộp thuế tài nguyên và các chứng từ, tài liệu hợp pháp liên quan hàng năm của các tổ chức, cá nhân.

2. Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Luật khoáng sản 2010 có hiệu lực và trước ngày Nghị định này có hiệu lực: Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định tương tự Điểm a, Điểm b và Điểm đ Khoản 1 Điều này; trong đó trữ lượng đã khai thác bằng không (0).

3. Đối với các giấy phép được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác không bắt buộc phải tiến hành thăm dò, quy định tại Điều 65 Luật khoáng sản, thì trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản áp dụng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp xin gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng lớn hơn so với trữ lượng đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

5. Trường hợp không thể áp dụng quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này thì tiến hành đánh giá phần trữ lượng còn lại. Các chi phí liên quan đến đánh giá trữ lượng do tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản chi trả.

6. Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Nghị định này có hiệu lực, trong giấy phép phải thể hiện trữ lượng địa chất là trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Điều 7. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng, công bố và tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn hiệu lực. Cụ thể quy định như sau:

1. Mỗi loại khoáng sản trong một khu vực khai thác khoáng sản chỉ áp dụng một mức giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

2. Trường hợp trong một khu vực khai thác khoáng sản, sản phẩm sau khai thác có nhiều loại và mỗi loại có mức giá khác nhau, thì áp dụng giá trị trung bình các mức giá.

3. Đối với loại khoáng sản chưa có giá tính thuế tài nguyên hoặc phải điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên do không còn phù hợp theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng giá; Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Trình tự, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh theo thẩm quyền cấp phép khai thác trong thời gian không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

b) Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bao gồm:

- Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này: 02 (hai) bản.

- Bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản: 01 (một) bản.

- Báo cáo nộp thuế tài nguyên hàng năm; các chứng từ, tài liệu hợp pháp chứng minh trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011.

2. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và sau ngày Nghị định này có hiệu lực, phải thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định trước khi cấp phép.

Điều 9. Tiếp nhận, tính và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh là cơ quan tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận tính pháp lý, mức độ đầy đủ của các hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do tổ chức, cá nhân nộp; tổ chức tính và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản theo Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Trường hợp khu vực khoáng sản được phép khai thác nằm trên địa bàn liên tỉnh, liên huyện; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phân chia số tiền phải nộp theo tỷ lệ diện tích khu vực khoáng sản. Khu vực này được căn cứ từ Giấy phép khai thác khoáng sản theo địa bàn từng tỉnh, từng huyện.

3. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh gửi văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác và thông báo cho tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản.